

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 04-5-2021  
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Vũ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Nhớ

Ông Nguyễn Thế Quyết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 488/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 488/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 52 đường L, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1994; Địa chỉ: K123/H10/15 đường C, phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy T và ông Nguyễn Thành T1 kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng (theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/2017, ngày 11 tháng 5 năm 2017), hôn nhân trên sự tự nguyện. Qua một thời gian gắn bó, chung sống với nhau thì giữa hai vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T1 ham chơi, không lo làm ăn và không có trách nhiệm với gia đình vợ con nên cuộc sống của vợ chồng không hòa hợp và thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau; mỗi lần cãi vã

thì ông T1 bạo lực gia đình đánh đập bà làm cho đời sống chung ngày càng nặng nề và không có hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người mỗi nơi, phần ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành T1.

- Về con chung: Bà Trần Thị Thùy T xác định bà với ông Nguyễn Thành T1 có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Thanh T2, sinh ngày 15-6-2017. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T1 cấp dưỡng phí tồn nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thùy T không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tranh tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà Trần Thị Thùy T và ông Nguyễn Thành T1 đã trầm trọng, yêu cầu xin được ly hôn của bà Trần Thị Thùy T đối với ông Nguyễn Thành T1 là có căn cứ, phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thùy T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Trần Thị Thùy T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Thùy T khởi kiện vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc "Ly hôn" đối với ông Nguyễn Thành T1 có nơi cư trú: K123/H10/15 đường C, phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng. Ngày 06-11-2020 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Thành T1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Thùy T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, không thể hàn gắn được, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành T1. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tại phiên tòa thể hiện: Hôn nhân giữa bà Trần Thị Thùy T và ông Nguyễn Thành T1 là hợp pháp. Theo bà T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T1 ham chơi, không lo làm ăn và không có trách nhiệm với gia đình; mỗi lần ông T1 đi chơi về thì đầu óc không tỉnh táo, có lời lẽ xúc phạm và dùng bạo lực đánh đập bà nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn với nhau được. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân gần 01 năm nay, bà T dẫn con về sống với gia đình cha mẹ bà, phần ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau nữa. Trong quá trình tranh tụng và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T1 đến để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, mỗi lần Tòa án đến tổng đạt văn bản tố tụng thì ông T1 có lời lẽ thách thức, đe dọa, chống đối, coi thường và không nhận giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, HĐXX có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng như bà T trình bày là có căn cứ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông T1 đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên HĐXX căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu được ly hôn với ông T1 của bà T.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa, bà Trần Thị Thùy T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Thanh T2, sinh ngày 15-6-2017 và yêu cầu ông T1 nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy: Việc nuôi dạy con cái là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này, trong quá trình tranh tụng và tại phiên tòa hôm nay, ông T1 đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, điều đó thể hiện nguyện vọng được nuôi con của ông T1 là không có. Xét thấy, cháu T2 hiện nay còn nhỏ và đang sinh sống cùng với bà T, để đảm bảo quyền lợi cho cháu T2 có cuộc sống tốt hơn nên HĐXX xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của bà T và buộc ông T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tồn nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ cho đến khi cháu T2 trưởng thành.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Thùy T chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số: 0002379 ngày 06-11-20020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê; ông T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc

"Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, 56 và 58 của Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy T được ly hôn với ông Nguyễn Thành T1.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Thùy T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên là Nguyễn Trần Thanh T2, sinh ngày 15-6-2017. Ông Nguyễn Thành T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con sau khi ly hôn mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi trưởng thành, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2021.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người bị thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Khi ly hôn cha, mẹ bên không trực tiếp nuôi con và bên trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số số: 0002379 ngày 06-11-20020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bà T đã nộp xong. Ông Nguyễn Thành T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- UBND phường H;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Hoàng Vũ**